

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện các công trình hạ tầng
phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, GPMB
các dự án của tỉnh năm 2024 (đợt 3)**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật
sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính
quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về
việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa giai đoạn 2021-
2025;*

*Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh
về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025;*

*Căn cứ Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh
về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm
2024;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 34/TTr-SKHĐT
ngày 20/3/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết **219.681.620.000 đồng** từ nguồn kinh phí bố trí
các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi
thường, GPMB các dự án của tỉnh thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024
để hoàn trả tạm ứng và chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng
do GPMB các dự án (chi tiết cụ thể như phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính,
Kho bạc Nhà nước tỉnh và các sở, ngành liên quan hướng dẫn đơn vị có liên
quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT PTQĐ tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K1, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024)
(đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2024	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
A	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1.106.219.000.000		
I	CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH	1.106.219.000.000		
*	Đã phân bổ chi tiết	196.145.324.000		
**	Phân bổ đợt này	219.681.620.000		
I	Bố trí kế hoạch vốn để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	34.758.865.000		
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn	247.574.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
2	Dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	353.291.000	Ban quản lý Khu kinh tế	Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	15.000.000.000	Ban Giải phóng mặt bằng	Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
4	Khu tái định cư phía Bắc Công viên khoa học, thuộc khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	6.000.000.000		Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
5	Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	13.000.000.000		Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
6	Khu đất ở phía Nam Đường trục Khu kinh tế nối dài tại lý trình Km2+400, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát	158.000.000		Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
II	Bố trí kế hoạch vốn hoàn trả tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh	184.922.755.000		
1	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá	5.804.408.000	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	
2	Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi	3.000.000.000	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	
3	Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	6.500.000.000	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	
4	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định	369.000.000	UBND thành phố Quy Nhơn	
5	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn	22.041.586.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	2.566.462.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xung quanh Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	3.094.639.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2024	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
8	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	503.965.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	37.095.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình	260.498.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
11	Khu TĐC phục vụ dự án Khu Đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh	295.350.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
12	HTKT Khu dân cư phía Bắc Nhà ở xã hội Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	3.773.313.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
13	Bồi thường, hỗ trợ tài sản do thu hồi Khu đất của Khách sạn Bình Dương thuộc Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15	6.002.292.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
14	Khu đất phía Tây Nam Cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	8.271.498.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
15	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ đường trục Khu kinh tế đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	5.581.000.000	Ban quản lý Khu kinh tế	
16	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	1.591.387.000	Ban quản lý Khu kinh tế	
17	Khu tái định cư phía Bắc công viên Khoa học, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	10.081.246.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
18	Hạ tầng kỹ thuật tại khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông Vận tải Bình Định và các khu vực liên kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	34.852.123.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
19	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	420.859.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
20	Hạ tầng kỹ thuật và các dự án khác thuộc Khu Đô thị khoa học và Giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	34.049.767.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
21	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	7.226.267.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
22	Hạ tầng kỹ thuật Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	28.600.000.000	Ban Giải phóng mặt bằng	
***	Còn lại chưa phân bổ	690.392.056.000		Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh phân bổ chi tiết số vốn còn lại chưa phân bổ